

Số: /GPMT-UBND Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa tại Văn bản số 668/DANNGT-ĐSat ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, đoạn từ Km1164+000 đến Km1228+130, dài 64 Km" tại xã Diên Lạc, xã Suối Hiệp, xã Suối Dầu, xã Cam Hiệp, phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 165 /TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 10 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ tại Khu liên cơ số 16 Nguyễn Thiện Thuật, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, đoạn từ Km1164+000 đến Km1228+130, dài 64 Km tại xã Diên Lạc, xã Suối Hiệp, xã Suối Dầu, xã Cam Hiệp và phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, đoạn từ Km1164+000 đến Km1228+130, dài 64 Km.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Diên Lạc, xã Suối Hiệp, xã Suối Dầu, xã Cam Hiệp và phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa.

1.4. Mã số thuế: 4202018617.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 32,77 ha.

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tập trung bao gồm đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống

thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, đèn chiếu sáng, di dời hạ tầng,... cho các hộ di dân và các hộ tại khu tái định cư.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Dự án nêu trên; đồng thời bảo đảm rằng các nội dung và yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại các Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Diên Lạc;
- UBND xã Suối Hiệp;
- UBND xã Suối Dầu;
- UBND xã Cam Hiệp;
- UBND phường Ba Ngòi;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP+TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 291/QĐ-SNNMT ngày 26/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của Khu tái định cư Diên Lạc;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của Khu tái định cư Suối Hiệp;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của Khu tái định cư Tân Xương 2;
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của Khu tái định cư Suối Lau 2;
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của Khu tái định cư Xuân Lập;
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt của Khu tái định cư Suối Cát;
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt của Khu tái định cư phường Ba Ngòi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng nước thải số 01 (Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01 sau xử lý): Kênh nội đồng tại xã Diên Lạc, tỉnh Khánh Hòa;
- Dòng nước thải số 02 (Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 02 sau xử lý): Kênh nhánh N3-1 tại xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa;
- Dòng nước thải số 03 (Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 03 sau xử lý): Kênh nội đồng tại xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa;
- Dòng nước thải số 04 (Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 04 sau xử lý): Kênh nội đồng tại xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa;
- Dòng nước thải số 05 (Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 05 sau xử lý): Kênh B8 tại xã Cam Hiệp, tỉnh Khánh Hòa;
- Dòng nước thải số 06 (Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 06 sau xử lý): Kênh thoát nước dọc tuyến đường xã Cam hiệp, tỉnh Khánh Hòa;
- Dòng nước thải số 07 (Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 07 sau xử lý): Kênh thoát nước dọc tuyến đường phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°):

- Dòng nước thải số 01: Xã Diên Lạc, tỉnh Khánh Hòa. Tọa độ $X = 1355673$; $Y = 590008$.

- Dòng nước thải số 02: Xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa. Tọa độ $X = 1353755$; $Y = 588889$.

- Dòng nước thải số 03: Xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa. Tọa độ $X = 1347963$; $Y = 587454$.

- Dòng nước thải số 04: Xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa. Tọa độ $X = 1346060$; $Y = 588081$.

- Dòng nước thải số 05: Xã Cam Hiệp, tỉnh Khánh Hòa. Tọa độ $X = 1339208$; $Y = 591310$.

- Dòng nước thải số 06: Xã Cam Hiệp, tỉnh Khánh Hòa. Tọa độ $X = 1330714$; $Y = 594967$.

- Dòng nước thải số 07: Phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa. Tọa độ $X = 1321621$; $Y = 593267$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Dòng nước thải số 01: 150 m³/ngày;

- Dòng nước thải số 02: 60 m³/ngày;

- Dòng nước thải số 03: 40 m³/ngày;

- Dòng nước thải số 04: 50 m³/ngày;

- Dòng nước thải số 05: 70 m³/ngày;

- Dòng nước thải số 06: 70 m³/ngày;

- Dòng nước thải số 07: 30 m³/ngày.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý được dẫn bằng đường ống HDPE D200 ra nguồn tiếp nhận theo phương thức tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, cột B, $F \leq 2.000$ m³/ngày) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung), cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc	Không thuộc
2	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	≤ 40	đối tượng	đối tượng

3	COD	mg/l	≤ 90		
	hoặc TOC	mg/l	≤ 45		
4	TSS	mg/l	≤ 60		
5	Amoni, tính theo N	mg/l	$\leq 8,0$		
6	Tổng Nito	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho	mg/l	$\leq 6,0$		
8	Tổng Coliform	MPN/ 100 ml	≤ 5.000		
9	Sunfua	mg/l	$\leq 0,5$		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 5,0$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi theo đường ống HDPE D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi theo đường ống HDPE D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi theo đường ống HDPE D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi theo đường ống HDPE D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi theo đường ống HDPE D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về các bể tự

hoại để xử lý sơ bộ trước khi theo đường ống HDPE D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi theo đường ống HDPE D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Công trình, thiết bị xử lý nước thải cho nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06 và 07

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Bể thu gom + tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Diên Lạc: 150 m³/ngày.

+ Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Suối Hiệp: 60 m³/ngày.

+ Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Tân Xương 2: 40 m³/ngày.

+ Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Suối Lau 2: 50 m³/ngày.

+ Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Xuân Lập: 70 m³/ngày.

+ Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Suối Cát: 70 m³/ngày.

+ Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư phường Ba Ngòi: 30 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên nạo vét các hồ ga, mương dẫn để tránh việc tắc, nghẽn công trình xử lý nước thải.

- Lập nhật ký vận hành để giám sát theo dõi sự ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho công trình xử lý nước thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng, khi có thiết bị bị hỏng sẽ vận hành thiết bị dự phòng.

- Khi công trình xử lý nước thải gặp sự cố tại một trong các bể làm gián đoạn

quá trình xử lý sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách tiến hành khắc phục sự cố theo quy trình đã ban hành.

- Trường hợp, phát hiện chất lượng nước thải không đạt chuẩn cho phép, dừng ngay việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận; lưu chứa nước thải tạm tại các bể (bể thu gom, bể điều hòa) và tiến hành khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải sớm nhất. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sẽ được bơm xử lý theo quy trình công nghệ xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến bắt đầu từ tháng 6/2027 đến hết tháng 8/2027).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Diên Lạc: 150 m³/ngày.
- Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Suối Hiệp: 60 m³/ngày.
- Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Tân Xương 2: 40 m³/ngày.
- Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Suối Lau 2: 50 m³/ngày.
- Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Xuân Lập: 70 m³/ngày.
- Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư Suối Cát: 70 m³/ngày.
- Hệ thống xử lý nước thải Khu tái định cư phường Ba Ngòi: 30 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư

dự án hoặc giai đoạn thiết kế xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở, các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) và đồ án quy hoạch tổng mặt bằng các khu tái định cư để bảo đảm sự đồng bộ và phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải theo nội dung được cấp phép tại Phụ lục này.

3.5. Chủ dự án đầu tư chỉ được triển khai xây dựng các công trình xử lý và thoát nước thải theo nội dung được cấp phép tại Phụ lục này sau khi được cơ quan có thẩm quyền thống nhất phương án, bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành về quy hoạch và xây dựng.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố./.

Phụ lục 2
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư Diên Lạc;
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư Suối Hiệp;
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư Tân Xương 2;
- Nguồn số 04: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư Suối Lau 2;
- Nguồn số 05: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư Xuân Lập;
- Nguồn số 06: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư Suối Cát;
- Nguồn số 07: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải của Khu tái định cư phường Ba Ngòi.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	55	50	45	Không	Khu vực B

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	65	60	Không	Khu vực B

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Vệ sinh, bảo trì tra dầu mỡ cho các máy móc, thiết bị để giảm ma sát gây tiếng ồn lớn.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị kịp thời sửa chữa thay thế, siết chặt ốc, vít lỏng hạn chế rung và ồn phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng
năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến khoảng 341,4 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh dự kiến khoảng 29.410 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến khoảng 1.160,335 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Do lượng chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ dân trong khu tái định cư rất ít nên mỗi hộ dân tự bố trí bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại; đồng thời, được hướng dẫn phân loại, lưu giữ tạm thời trước khi đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong ngăn chứa bùn. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Mỗi hộ dân trong khu tái định cư tự trang bị thùng chứa rác theo quy định để thu gom chất thải phát sinh; các hộ dân sẽ đóng phí rác thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định của địa phương.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.